

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG TIỂU HỌC – THCS – THPT

NAM SÀI GÒN

LỊCH KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI NĂM

Năm học 2021 - 2022

THỜI GIAN KIỂM TRA				KHỐI (LỚP) KIỂM TRA	MÔN KIỂM TRA
Tuần	Ngày	Buổi	Tiết		
33	Thứ hai 23/5/2022	Sáng	2 → 4	1/3, 1/4, 1/5	Tin học (P2)
			3, 4	1/1, 1/2	Tin học (P1)
		Chiều	5, 6	2/1, 2/2	Tin học (P2)
			5 → 7	2/5, 2/4, 2/3	Tin học (P1)
	Thứ ba 24/5/2022	Sáng	1 → 4	Năm	Tiếng Việt (Đọc hiểu - Viết)
	Thứ tư 25/5/2022	Sáng	1, 2	Năm	Toán
		Chiều	5, 6	Năm	Tiếng Việt (Đọc thành tiếng)
	Thứ năm 26/5/2022	Sáng	1 → 3	5/2, 5/4, 5/1	Tin học (P2)
			1, 2	5/3, 5/5	Tin học (P1)
		Chiều	5 → 7	4/5, 4/3, 4/1	Tin học (P1)
				4/6, 4/4, 4/2	Tin học (P2)
	Thứ sáu 27/5/2022	Sáng	1, 2	5/1, 5/4, 5/3	Tiếng Anh (Nói)
			3, 4	5/2, 5/5	
		Chiều	5, 6	5/1, 5/4, 5/5	Tiếng Anh (Nghe – Đọc – Viết)
			6, 7	5/2, 5/3	

34	Thứ hai 30/5/2022	Sáng	1, 2	3/2, 3/4, 3/5	Tiếng Anh (Nói)
			3, 4	3/1, 3/3	
		Chiều	5	Bốn, Năm	Khoa học
			5 → 6	Một	Tiếng Việt (Đọc thành tiếng)
	Thứ ba 31/5/2022	Sáng	1, 2	2/2, 2/4, 2/5	Tiếng Anh (Nói)
			2	Bốn, Năm	Lịch sử - Địa lí
			3, 4	2/1, 2/3	Tiếng Anh (Nói)
		Chiều	5, 6	Hai	Tiếng Việt (Đọc thành tiếng)
				3/1, 3/3	Tin học (P2)
				3/5, 3/2	Tin học (P1)
			7	3/4	Tin học (P2)
	Thứ tư 01/6/2022	Sáng	1, 2	4/1, 4/3, 4/4	Tiếng Anh (Nói)
			3, 4	4/2, 4/5, 4/6	
		Chiều	5, 6	Ba	Tiếng Việt (Đọc thành tiếng)
	Thứ năm 02/6/2022	Sáng	1, 2	3/1, 3/3, 3/5	Tiếng Anh (Nghe – Đọc – Viết)
			3, 4	3/2, 3/4	
		Chiều	5, 6	Bốn	Tiếng Việt (Đọc thành tiếng)
	Thứ sáu 03/6/2022	Sáng	1, 2	1/2, 1/3, 1/5	Tiếng Anh (Nói)
			2	Ba, Bốn	Toán
			3, 4	1/1, 1/4	Tiếng Anh (Nói)
		Chiều	5	2/1, 2/3, 2/4	Tiếng Anh (Nghe – Đọc – Viết)
			6	2/2, 2/5	



35	Thứ hai 06/6/2022	Sáng	1, 2	4/2, 4/4, 4/6	Tiếng Anh (Nghe – Đọc – Viết)
			3, 4	4/1, 4/3, 4/5	
		Chiều	5, 6	Một	Tiếng Việt (Đọc hiểu – Viết)
	Thứ ba 07/6/2022	Sáng	2	Hai	Tiếng Việt (Đọc hiểu – Chính tả)
			3	Ba	
			4	Hai, Ba	Tiếng Việt (Tập làm văn)
		Chiều	5	Một	Toán
	Thứ tư 08/6/2022	Sáng	2	Hai	Toán
				Bốn	Tiếng Việt (Tập làm văn)
			3	Bốn	Tiếng Việt (Đọc hiểu – Chính tả)
		Chiều	5	1/1, 1/3, 1/5	Tiếng Anh (Nghe – Đọc – Viết)
			6	1/2, 1/4	

